

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-PT

Ngày 14-5-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình; bà Trần Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Hoàng Hải Ly – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DSST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH X1; địa chỉ: E T, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy N; địa chỉ: A T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy uỷ quyền ngày 12-3-2025). Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Thúy S; địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2.2. Ông Nguyễn Quang Á (đã chết); địa chỉ trước khi chết: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Quang Á: Ông Nguyễn Quang D, bà Phan Thị N1, anh Nguyễn Quang S1, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Xuân X; cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Bà Mai Thị Kim O; địa chỉ: C H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Hợp đồng uỷ quyền, số 005263 ngày 09-5-2025). Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy S, anh Nguyễn Quang S1, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Xuân X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của đương sự

Nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH X1 (sau đây viết tắt là: Công ty X1) và vợ chồng ông Nguyễn Quang Á, bà Nguyễn Thị Thúy S (sau đây viết tắt là: ông Á, bà S) có quan hệ mua bán cà phê với nhau từ lâu. Ngày 30-5-2022, hai bên có thỏa thuận về việc mua, bán cà phê nhân rô nhân xô, cụ thể ông Á, bà S đã ứng cắt giá cà phê rô nhân xô và cam kết từ ngày 30-5-2022 đến ngày 11-3-2023 sẽ giao đủ số lượng cà phê nhân rô xô cho Công ty X1 tương ứng với số tiền đã tạm ứng tại thời điểm cắt giá.

Qua nhiều lần giao, nhận cà phê, hai bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ tính đến ngày 11-3-2023, ông Á, bà S còn nợ Công ty X1 37.332,4 kg cà phê rô nhân xô; Công ty X1 được quyền chốt giá cà phê còn tồn nợ trên vào bất kỳ thời điểm nào, ông Á, bà S phải chịu lãi vay 1.3% kể từ ngày Công ty X1 cho ứng cắt giá trễ hạn trả hàng đến khi tất toán công nợ.

Ngày 24-11-2023, ông Á, bà S đã giao trả cho Công ty X1 24.390 kg cà phê rô nhân xô, còn nợ lại 12.942,4 kg. Sau đó, ông Á, bà S đã đề nghị được tiếp tục ứng cắt giá cà phê như trước đây và cam kết từ ngày 24-11-2023 đến ngày 08-01-2024 sẽ giao đủ khối lượng cà phê rô nhân xô cho Công ty X1 tương ứng với số tiền đã tạm ứng tại thời điểm cắt giá và khối lượng cà phê rô nhân xô còn nợ trước đó. Tuy nhiên, đến ngày 08-01-2024, ông Á, bà S tiếp tục nợ thêm Công ty X1 19.653,6 kg cà phê rô nhân xô, nâng tổng khối lượng cà phê còn nợ lên 32.596 kg và cam kết sẽ trả khối lượng cà phê này cho Công ty X1 trong thời hạn sớm nhất, nhưng không thực hiện.

Trong đơn khởi kiện, Công ty X1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Á, bà S phải trả 32.596 kg cà phê nhân rô xô quy ra thành tiền, nhưng sau đó Công ty X1 có văn bản thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả đủ số lượng cà phê nhân rô xô còn thiếu là 32.374,1 kg cho Công ty X1.

Bị đơn ông Á, bà S trình bày: Ông Á, bà S và Công ty X1 đã thỏa thuận việc mua bán hàng cà phê với nhau từ năm 2016 đến nay. Do kinh doanh thua lỗ nên ngày 23-03-2023, hai bên chốt công nợ. Theo đó, bà S, ông Á còn nợ Công ty X1 37.322 kg cà phê rô nhân xô theo giá bất kỳ thời điểm nào. Ngày 27-9-2023, Công ty X1 đã chốt giá cà phê là 69.700đ/kg x 37.322 kg = 2.602.068.000 đồng. Bà S, ông Á xin không trả lãi nhưng đại diện Công ty X1 nói chốt giá trước, lãi tính sau. Ngày 24, 26-11-2023, Công ty X1 có thu nợ của bà S 24.611,9 kg cà phê rô nhân xô và 270.000.000 đồng; bà S có giao dư 4.957,3 kg cà phê rô nhân xô; tổng cộng thành tiền là 2.602.068.000 đồng chưa được trừ vào số nợ phải trả. Do đó, bà S, ông Á chỉ còn nợ Công ty X1 số tiền 1.768.936.000 đồng (chưa tính lãi).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Á không có bản trình bày ý kiến.

Ông Nguyễn Quang D và bà Phan Thị N1 đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế di sản của ông Á, theo quy định của pháp luật.

2. Kết quả giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DSST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều: 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều: 385, 430, 431, 432, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1430-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X1. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy S và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH X1 32.596 kg cà phê rô nhân xô.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại cho họ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

3. Về kháng cáo: Ngày 22-01-2025, bà Nguyễn Thị Thúy S, anh Nguyễn Quang S1, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Xuân X có đơn kháng cáo cùng một nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì Tòa án sơ thẩm xử không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, chưa đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến ra bản án không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Nguyên đơn không kháng cáo; Viện Kiểm sát không kháng nghị.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nhưng buộc bị đơn trả 32.596 kg cà phê là không đúng yêu cầu khởi kiện, khối lượng cà phê đúng phải là 32.374,1 kg. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm; người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

1.2. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả khối lượng cà phê đã được hai bên đối chiếu công nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán cà phê theo hình thức thỏa thuận bằng lời nói; nguyên đơn đã cho bị đơn ứng tiền trước rồi giao hàng sau, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Tại khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại quy định mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại. Tuy nhiên, chủ thể tham gia giao kết hợp đồng trong vụ án này không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Thương mại; và tại khoản 2 Điều 3 Luật Thương mại

quy định hàng hóa bao gồm tất cả các loại động sản. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán hàng hóa, là phù hợp với Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Xét kháng cáo của người kháng cáo về yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì Tòa án sơ thẩm xử không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, chưa đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến ra bản án không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, do Công ty X1 và ông Á, bà S xác lập ngày 11-3-2023, là chứng cứ quan trọng của vụ án. Theo đó, hai bên đã xác nhận công nợ đến thời điểm đối chiếu thì ông Á, bà S còn nợ Công ty X1 37.332,4 kg cà phê rô nhân xô, lãi chậm giao hàng theo mức lãi vay là 1.3%, kể từ ngày Công ty X1 cho ứng tiền chốt giá cà phê trễ hạn đến khi tất toán công nợ. Ngày 24, 26-11-2023, ông Á, bà S đã giao cho Công ty X1 24.611,9 kg cà phê rô nhân xô, nên nợ cũ còn lại là 12.720,5 kg cà phê rô nhân xô. Sau đó, hai bên thỏa thuận ông Á, bà S tiếp tục ứng tiền chốt giá cà phê với Công ty X1 và tính đến ngày 08-01-2024, ông Á, bà S nợ thêm Công ty X1 19.653,6 kg cà phê rô nhân xô, nâng tổng khối lượng cà phê còn nợ Công ty X1 là: 32.374,1 kg.

[3] Bị đơn là bà S đã thừa nhận ngày 24, 26-11-2023, B đã trả cho Công ty X1 24.611,9 kg cà phê rô nhân xô. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn là Công ty X1 270.000.000 đồng, cùng với một Phiếu giao cà phê có khối lượng 4.957,3 kg cà phê rô nhân xô theo giá 69.700 đồng/kg, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn thống nhất nên Tòa án không chấp nhận.

[5] Bị đơn đã ứng tiền của nguyên đơn để chốt giá cà phê, nhưng thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả khối lượng cà phê tương ứng với số tiền đã ứng theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện, nguyên đơn là Công ty X1 yêu cầu bị đơn là ông Á, bà S phải trả giá trị khối lượng 32.596 kg cà phê rô nhân xô. Nhưng ngày 31-12-2024, nguyên đơn đã có văn bản (bản tự khai bổ sung, bút lục số 247) thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả 32.374,1 kg rô nhân xô là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả 32.596 kg cà phê rô nhân xô, là không đúng, đã xâm phạm lợi ích hợp pháp của bị đơn. Khối lượng cà phê bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 32.374,1 kg rô nhân xô, thành tiền là: $32.374,1 \text{ kg} \times 115.500 \text{ đồng/kg} = 3.739.208.550 \text{ đồng}$.

[7] Tại thời điểm các bên xác lập quan hệ mua bán cà phê, thì bị đơn bà S - ông Á là vợ chồng có cùng mục đích chung của gia đình nên họ phải thực hiện nghĩa liên đới đối với nghĩa vụ mà nguyên đơn yêu cầu thực hiện. Sau khi ông Á chết, phần nghĩa vụ liên đới của ông Á được chuyển giao cho người kế thừa

quyền, nghĩa vụ của ông Á, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc họ phải thực hiện nghĩa vụ liên đới, không tuyên quyền yêu cầu thi hành án, là thiếu sót.

Từ những căn cứ, nhận định tại các luận điểm từ [2] đến [7] ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của những người kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm về các nội dung đã được nhận định; và sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của những người kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy S, anh Nguyễn Quang S1, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Xuân X.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DSST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

-Áp dụng các Điều: 274, 275, 277, 278, 288, 430, 431, 432, 433 Bộ luật dân sự;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X1.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy S và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang Á là: ông Nguyễn Quang D, bà Phan Thị N1, anh Nguyễn Quang S1, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Xuân X phải liên đới trả 32.374,1 kg(Kilôgam) cà phê rô nhân xô cho Công ty TNHH X1.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại cho họ.

2. Án phí dân sự:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy S và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang Á là: ông Nguyễn Quang D, bà Phan Thị N1, anh Nguyễn Quang S1, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H1, chị Nguyễn Thị H2, Nguyễn Xuân X phải liên đới chịu 106.784.171 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ án phí trong phạm vi di sản do người chết để lại cho họ.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH X1 số tiền 53.648.380 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0001753 ngày 29-5-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy S, anh Nguyễn Quang S1, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn

Xuân X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho họ toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người 300.000 đồng theo các Biên lai số: 001118, 001119, 001120, 001121, 001122, 001123 cùng ngày 13-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương